TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG YANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2022/DS-ST Ngày 26 tháng 01 năm 2022 "V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hà và bà Nguyễn Thị Định

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.**

Địa chỉ trụ sở: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng T *(Theo Quyết định vv ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNNo-PC ngày 27/12/2019)*

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mang Yang Đông Gia Lai.

Địa chỉ chi nhánh: 279 Trần Hưng Đạo, thị trấn Kon Dơng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **B** - Sinh năm: 1963 (Vắng mặt)
Bà **M** – Sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Làng Th, xã K, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Năm 2020, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có cho ông B và bà M vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-2020000001 ngày 02/01/2020: số tiền vay 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 02/01/2020 đến ngày 30/12/2022; giải ngân ngày 02/01/2020; hạn trả nợ gốc 03 kỳ, kỳ 01 ngày 30/12/2020 số tiền gốc 50.000.000 đồng, kỳ 02 ngày 30/12/2021 số tiền gốc 50.000.000 đồng, kỳ 03 ngày 30/12/2022 số tiền gốc 50.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm vay vốn 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà M đã nhận đủ tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 02/01/2020 và chỉ mới trả được 452.055 đồng tiền lãi. Ngày 30/12/2020 số nợ gốc 50.000.000 đồng đã đến hạn nên ngày 31/12/2020 Ngân hàng đã chuyển số nợ gốc 50.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Ngày 30/12/2021 số nợ gốc 50.000.000 đồng đã đến hạn nên ngày 31/12/2021 Ngân hàng đã chuyển nợ gốc 50.000.000 đồng sang nợ quá hạn.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay nêu trên, ông B và bà M đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19856/HĐTC ngày 21/7/2016. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: xã K, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK550619 do UBND huyện Mang Yang cấp ngày 21/9/2009.

Sau khi giải ngân đến nay, ông B và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như thỏa thuận đã cam kết mặc dù phía nguyên đơn đã làm việc nhiều lần để yêu cầu trả nợ.

Vì vậy nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ như sau:

Buộc ông B và bà M phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/01/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-2020000001 ngày 02/01/2020 là **185.602.329 đồng** *(Một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng)*, trong đó gồm nợ gốc 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, lãi trong hạn 32.796.575 đồng *(Ba mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng)*, lãi quá hạn 2.805.754 đồng *(Hai triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm năm mươi tư đồng)*

Trong trường hợp ông B và bà M không trả được nợ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm mà ông B và bà M đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do ông B và bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam nên ông bà phải chịu toàn bộ chi phí này.

Đối với bị đơn ông B và bà M: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông bà đều vắng mặt

không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/10/2021, hòa giải ngày 26/11/2021, phiên tòa ngày 10/01/2022. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông B và bà M hiện đang cư trú tại làng Th, xã K, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai nhưng thường xuyên đi làm rẫy xa, ít khi có mặt ở nhà. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông bà đến tham gia phiên tòa nhưng ông bà tiếp tục vắng mặt, do vậy không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang phát biểu ý kiến như sau:

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục diễn ra tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì hợp đồng giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng, cần được chấp nhận. Vì vậy cần buộc bị đơn ông B và bà M phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu bị đơn không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: buộc bị đơn phải trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi phí xem xét thẩm định mà nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") khởi kiện vợ chồng ông B và bà M, địa chỉ tại làng Th, xã K, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Ông B và bà M là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Vì vậy đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông B và bà M đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là: Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-2020000001 ngày 02/01/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19856/HĐTC ngày 21/7/2016.

Tòa án đã thực hiện công khai chứng cứ theo quy định. Xét hình thức và nội dung thỏa thuận của các hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định các hợp đồng này là có thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-2020000001 ngày 02/01/2020: số tiền vay 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*; mục đích vay cải tạo hệ thống tưới; giải ngân ngày 02/01/2020; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 02/01/2020 đến ngày 30/12/2022; hạn trả nợ gốc 03 kỳ, kỳ 1 ngày 30/12/2020 số tiền 50.000.000 đồng, kỳ 2 ngày 30/12/2021 số tiền 50.000.000 đồng, kỳ 3 ngày 30/12/2022 số tiền 50.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm vay vốn 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà M đã nhận đủ tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 02/01/2020 và chỉ trả được 452.055 đồng tiền lãi và chưa trả nợ gốc. Ngày 30/12/2020 là đến kỳ hạn trả nợ thứ 01, ngày 30/12/2021 là đến kỳ hạn trả nợ thứ 02, vì vậy ngày 31/12/2020, Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn là phù hợp.

[5] Vì các khoản nợ lãi và nợ gốc đến hạn nhưng ông B và bà M vẫn không thanh toán cho Ngân hàng. Như vậy ông bà đã vi phạm hợp đồng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[6] Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam "Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng" và thời gian tính lãi theo đúng thỏa thuận. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông B và bà M phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/01/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-2020000001 ngày 02/01/2020 là 185.602.329 đồng *(Một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng)*, là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông B và bà M phải liên đới trả cho Ngân hàng khoản nợ này.

[7] Việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể, vì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên nếu ông B và bà M chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/01/2022) cho đến khi thi hành án xong ông B và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-2020000001 ngày 02/01/2020 .

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa các bên đã kí kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19856/HĐTC ngày 21/7/2016 và Ngân hàng là hợp pháp, nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự thì trong trường

hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Nguyên đơn đã nộp đủ. Vì toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông B và bà M phải trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng)*.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể, bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng (185.602.329 đồng) là: 9.280.116 đồng *(Chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn, một trăm mười sáu đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, khoản 1 Điều 299, Điều 317, Điều 318, khoản 6 Điều 320, Điều 321, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam:

1. Buộc ông B và bà M phải liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/01/2022 là: **185.602.329** đồng *(Một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng)*, trong đó gồm nợ gốc: 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi*

triệu đồng), lãi trong hạn 32.796.575 đồng *(Ba mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng)*, lãi quá hạn 2.805.754 đồng *(Hai triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm năm mươi tư đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/01/2022) cho đến khi thi hành án xong ông B và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-2020000001 ngày 02/01/2020.

2. **Về quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo**: Trong trường hợp ông B và bà M không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19856/HĐTC ngày 21/7/2016.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông B và bà M phải liên đới trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là **4.000.000 đồng** *(Bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông B và bà M phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **9.280.116 đồng** *(Chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn, một trăm mười sáu đồng)*.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: **4.321.000 đồng** *(Bốn triệu, ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008702 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2022), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung